

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 -7-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 264/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 59 /2023/QĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1975, nơi cư trú: 240/41/8 NHC, P TN, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1980, nơi cư trú: 240/41/8 NHC, P TNh, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

(Ông M, bà D có mặt).

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn M trình bày:

Ông và bà Đinh Thị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Nhất (Phường 9 cũ), thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2002 sau 02 năm tìm hiểu nhau và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 29-10-2002. Sau kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về những vấn đề liên quan đến quan điểm sống. Cụ thể: bà D không có niềm tin nơi ông, mặc dù bà kinh doanh riêng và tự

giữ tài chính, nhưng khi tài chính bị thất thoát thì bà nghi ngờ, đổ lỗi cho ông. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà D có những hành động, lời nói xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của ông. Khi ông ốm đau, ông chỉ được bà D quan tâm một cách hời hợt. Trong vấn đề giao tiếp với những người xung quanh, đặc biệt là những người khác giới, bà D cư xử không tế nhị đã gây ra sự hiểu lầm không đáng có. Trong cách nuôi dạy với con cái thì bà D cư xử không đúng mực, thường dùng những lời lẽ la mắng, đôi khi dùng bạo lực hoặc dùng dao đe dọa làm ảnh hưởng không tốt đến tinh thần cháu Hoàng Bảo An là con chung của ông và bà D. Bản thân ông cũng nhiều lần khuyên giải bà D điều chỉnh phong cách sống, cư xử đúng mực với mọi người nhưng bà D không thay đổi. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ông ngày một tăng, ông và bà D tuy sống chung cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Đinh Thị D.

Về con chung, cấp dưỡng: Ông và bà D có 02 con chung là Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 23-8-2003 và Hoàng Bảo A1, sinh ngày 16-3-2013. Cháu A đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1, không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đinh Thị D trình bày:

Bà thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như ông M trình bày. Bà cho rằng, trong vấn đề giao tiếp với những người xung quanh nói chung và những người khác giới nói riêng, bà đã cư xử đúng mực, không làm gì để người khác hiểu lầm nhưng ông M vẫn không tin tưởng bà. Bà thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng bà cũng có những mâu thuẫn, nhưng không đáng kể và thời gian gần đây ông M có cư xử lạnh nhạt với bà. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông M, bà không đồng ý vì bà vẫn yêu thương ông M. Về phần con chung, bà xác định bà và ông M có 02 con chung như ông M trình bày. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung; vấn đề con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc A vì cháu đã trưởng thành. Bà không đồng ý việc ông M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Bảo A1 vì bản thân bà chưa đồng ý ly hôn với ông M.

Tại phiên tòa:

Ông M giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu như đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Bà D giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây ở giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bà thừa nhận có hành vi nóng nảy trong cách dạy con, có lần bà cầm dao khi dạy dỗ con. Tuy nhiên bà vẫn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, trình bày tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Văn M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đinh Thị D và yêu cầu nuôi con chung nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông M và bà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng Nhất (Phường 9 cũ), thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 29 tháng 10 năm 2002 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông M trình bày: Sau kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về những vấn đề liên quan đến quan điểm sống như bà D không tin tưởng ông, bà buôn bán làm ăn riêng và tự giữ tài chính, nhưng khi tài chính của bà D bị thất thoát thì bà nghi ngờ, đổ lỗi cho ông. Khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà D có những hành động, lời nói xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của ông. Khi ông ốm đau, ông chỉ được bà D quan tâm một cách hời hợt. Trong vấn đề giao tiếp với những người xung quanh, đặc biệt là những người khác giới, bà D cư xử không tế nhị đã gây ra sự hiểu lầm không đáng có. Trong cách nuôi dạy với con cái thì bà D cư xử không đúng mực, đôi khi còn dùng bạo lực hoặc dùng dao đe dọa làm ảnh hưởng không tốt đến tinh thần con trẻ. Bản thân ông cũng nhiều lần khuyên giải bà D điều chỉnh phong cách sống, cư xử đúng mực với mọi người nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa, ông M vẫn xác định mâu thuẫn vợ chồng ông ngày một tăng, không thể hàn gắn, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà D và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Bà Đinh Thị D thừa nhận cuộc sống vợ chồng bà cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng và thời gian gần đây ông M có cư xử lạnh nhạt

với bà. Bà khẳng định, trong vấn đề giao tiếp với những người xung quanh nói chung và những người khác giới nói riêng, bà đã cư xử đúng mực, không làm gì để người khác hiểu lầm nhưng ông M vẫn không tin tưởng bà. Bà không đồng ý ly hôn với ông M.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi ông M, bà D sinh sống có nội D: Thời gian gần đây, ông M, bà D có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không biết lý do vì ông, bà không trình bày và không đề nghị địa phương hòa giải.

Sau khi thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà D, Tòa án đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện về thời gian cho ông M, bà D hàn gắn nhưng không có kết quả, ông M vẫn xác định không còn tình cảm với bà D và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M, bà D là trầm trọng, kéo dài mà các bên không thể hàn gắn được. Ông M kiên quyết yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với bà D. Bà D không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với ông M, tuy nhiên bà D không đưa ra được phương pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được.

Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông M đối với bà D là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: ông M, bà D cùng xác định ông bà có 02 con chung là Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 23-8-2003 và Hoàng Bảo A1, sinh ngày 16-3-2013. Cháu A đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1, không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Ông M và bà D không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con thấy rằng, ông M và bà D đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh cũng như sự thừa nhận của ông M, bà D thì đặc thù công việc của bà D là không thể đưa con đi học buổi sáng; bên cạnh đó, bà D có phương pháp dạy con chưa phù hợp, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý, tinh thần của cháu An. Cháu An là con trai nên ông M sẽ dễ gần gũi, tìm hiểu tâm lý, chăm sóc tốt về thể chất và tinh thần cho cháu, đảm bảo cho cháu được phát triển toàn diện về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu An. Vì vậy, xem

xét quyền lợi về mọi mặt của cháu A1, thì việc Ông M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A1 là phù hợp. Về việc ông M không yêu cầu bà D cấp dưỡng, xét đây là ý kiến tự nguyện và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M về việc ông M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Bảo A1, bà D không cấp dưỡng nuôi cháu A1.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đồng nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn M được ly hôn với bà Đinh Thị D.

Về con chung, cấp dưỡng: Ông Hoàng Văn M và bà Đinh Thị D có 02 con chung là Hoàng Thị Ngọc A sinh ngày 23-8-2003 và Hoàng Bảo A1 sinh ngày 16-3-2013. Cháu Anh đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông M được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo A1, sinh ngày 16-3-2013; bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng Văn M, bà Đinh Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Hoàng Văn M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000294 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; ông M đã nộp xong án phí.

Bà Đinh Thị D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hoàng Văn M, bà Đinh Thị D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường Thắng Nhất (Phường 9 cũ), thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My